TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST Ngày: 10-5-2021 "V/v tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Cảm

2. Bà Nguyễn Thị Bạn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Trần Tố Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hà T - Sinh năm 1995 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Trần Khánh N - Sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Hà T trình bày:*

Chị T và anh Trần Khánh N tự nguyện chung sống kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/5/2020.

Sau khi kết hôn chị T và anh N chung sống cùng gia đình bên chồng tại thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được mấy tháng đầu. Do tính chất công việc của chị T là đi dạy học ở xã E,

huyện E nên chị thường xuyên đi làm vào đầu tuần và về vào cuối tuần, hơn nữa trước khi kết hôn thì giữa chị T và anh N ít có thời gian tìm hiểu nên khi về sống chung bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, anh N không chịu tu chí làm ăn thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, không chung thủy. Bản thân chị T đã nhiều lần khuyên nhủ anh N thay đổi nhưng anh N vẫn chứng nào tật nấy không chịu sửa đổi, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân cả chị và anh N đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn phát sinh và đến nay đã trầm trọng. Nay chị T xác định không còn tình cảm, tình thương yêu vợ chồng với anh N nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn* - Anh Trần Khánh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Trần Khánh N; Về con chung: không có; Về tài sản, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà T là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Hà T và anh Trần Khánh N tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E,

huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/5/2020. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước khi kết hôn hai bên ít có thời gian tìm hiểu nên khi kết hôn về sống chung thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhưng do tính chất công việc chị T thường xuyên đi làm xa chỉ gặp nhau vào cuối tuần nên vợ chồng ít có thời gian gần gũi nên tình cảm dần xa cách, vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay; Chính quyền địa phương cho biết quá trình chung sống giữa chị T và anh N xảy ra mâu thuẫn nhưng do chị T chỉ ở một thời gian ngắn rồi về nhà mẹ đẻ sống, nên khi mâu thuẫn xảy ra chị T và anh N không yêu cầu địa phương hòa giải; Về phía anh N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N không có ý kiến phản đối gì.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Trần Khánh N đã xảy ra kéo dài, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh N của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Trần Khánh N.

2. Về con chung: Không có con chung

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hà T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013673 ngày 07 tháng 01 năm 2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã E, H. E;
(GCNKH số 35, ngày 15/5/2020)
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Thị Trúc